

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất
Trường THPT Chu Văn Thịnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hoá, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

Căn cứ Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng

Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2666/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2025; Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 204/TTr-SXD ngày 04/6/2025, Thông báo kết quả thẩm định số 1637/SXD-QLXD ngày 04/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Chu Văn Thịnh, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Chu Văn Thịnh.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Chiềng Ban, xã Chiềng Mai, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.

4. Chủ đầu tư: Trường THPT Chu Văn Thịnh.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng DAH86; địa chỉ: Số nhà 07, ngõ 83, đường 3/2, tổ 9, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:

- Dự án nhóm C; Công trình dân dụng, cấp III.

7. Mục tiêu dự án: Ngăn chặn sự xuống cấp của công trình, khang trang cơ sở vật chất, đáp ứng được nhu cầu sử dụng của đơn vị góp phần đảm bảo hiệu quả sử dụng và nâng cao chất lượng giáo dục tỉnh nhà.

8. Quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp thiết kế

8.1. Quy mô đầu tư xây dựng: Cải tạo đường vào trường; cải tạo, sửa chữa cổng trường; sửa chữa kho thiết bị quốc phòng; cải tạo, sửa chữa nhà bếp ăn bán trú; xây mới nhà để xe học sinh; các hạng mục phụ trợ khác (*cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh ngoài trời; xây mới đường lên khu nhà để xe và đoạn đường vào nhà bếp khu bán trú; xây mới bồn cây; thay thế nền sân trường lát gạch chỉ bằng gạch Tezzaro*).

8.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu

8.2.1. *Cải tạo đường vào trường (hiện trạng là nền bê tông):* Tổng chiều dài tuyến $L=120\text{m}$, bề rộng mặt đường trung bình $B_m=5,5\text{m}$, diện tích mặt đường $S=660\text{m}^2$; (*đường được thiết kế độ dốc ngang về 2 bên về rãnh thu nước theo hiện trạng*); Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa C12,5 dày 5cm/ bù vênh mặt đường một số vị trí bằng bê tông nhựa C12,5 dày 3cm (*khoảng 20% diện tích*)/ mặt đường bê tông hiện trạng.

8.2.2. *Cải tạo, sửa chữa cổng trường:* Tháo dỡ mái cổng chính, cổng phụ hiện trạng do không đảm bảo chiều cao an toàn PCCC; mái cổng đổ lại bằng hệ dầm, sàn mái bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B22,5 (mác 250), bề mặt trát vữa xi măng mác 75, lăn sơn 3 nước không bả. Trụ cổng bóc dỡ lớp vữa trát, ốp lại bằng đá granit. Tháo dỡ cánh cổng sắt hiện trạng, thay thế bằng cửa inox chạy điện. Lắp đặt bổ sung biển tên công trình, khẩu hiệu, tiêu ngữ gắn trên bề mặt mái cổng; kết cấu biển tên bằng hệ khung thép hộp tổ hợp hàn, bề mặt ốp tấm mika, gắn chữ nổi.

8.2.3. *Sửa chữa kho thiết bị quốc phòng thành nhà truyền thống:* Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng $S_{xd}=98\text{m}^2$; giải pháp thiết kế cụ thể:

- Tháo dỡ mái, xà gồ, vì kèo gỗ; thay thế bằng hệ mái tôn mới, cấu tạo: Mái lợp tôn múi dày 0,4mm/ xà gồ thép hộp/ vì kèo thép hình tổ hợp hàn, sơn 3 nước chống rỉ. Bóc dỡ toàn bộ lớp vữa trát láng sê nô mái, sàn mái khu vực hành lang; trát láng lại bằng vữa xi măng mác 100 dày 1cm, bề mặt lăn dung dịch chống thấm 3 nước (có vên tường cao 10cm);

- Phá dỡ tường trực (2); bóc dỡ toàn bộ lớp vữa trát tường, cột, dầm, trần trong và ngoài nhà; xây bít một số vị trí cửa sổ hiện trạng bằng gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 75; toàn bộ trát lại bằng vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm; tường, trần ngoài lăn sơn 3 nước không bả; tường trần trong nhà lăn sơn 3 nước có bả;

- Bóc dỡ gạch lát nền hiện trạng, bóc dỡ lớp vữa láng bậc tam cấp; nền lát lại bằng gạch ceramic kích thước (60x60)cm; bậc tam cấp xây lại bằng gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 75, bề mặt ốp lát lại bằng đá granit. Bóc dỡ lớp vữa láng hè ngoài nhà, đổ lại bằng bê tông cấp độ bền B15 dày 10cm, bề mặt lát gạch tezzaro kích thước (40x40)cm;

- Tháo dỡ hệ thống cửa đi, thay thế bằng cửa khuôn nhôm hệ, kính 2 lớp dày 6,38mm; trần thay thế bằng hệ trần thạch cao giạt cấp, khung xương chìm, bề mặt sơn bả đồng bộ;

- Tháo dỡ và thay thế toàn bộ hệ thống điện trong nhà, dây dẫn đi chìm tường trong ống gen, thiết bị đồng bộ (*công suất không vượt quy mô công suất thiết kế ban đầu của công trình*). Lắp đặt bổ sung hệ thống PCCC cục bộ bao gồm bình chữa cháy và bảng tiêu lệnh.

8.2.4. *Cải tạo, sửa chữa nhà bếp ăn bán trú:* Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng $S_{xd}=387,6\text{m}^2$, diện tích sân và bể nước ngoài nhà $S=102\text{m}^2$; giải pháp thiết kế cụ thể:

- Tháo dỡ tôn múi lợp mái, thay thế bằng tôn múi dày 0,4mm. Bóc dỡ lớp vữa trát, láng sê nô mái; trát láng lại bằng vữa xi măng mác 100 dày 1cm; bề

mặt lặn dung dịch chống thấm 3 nước (có vên tường, dầm); lắp đặt lại hệ thống thu lồi chống sét; thay thế hệ thống ống thu, thoát nước mái bằng ống nhựa PVC và phụ kiện đồng bộ;

- Tháo dỡ trần nhựa trong nhà, thay thế bằng trần nhựa khung xương nổi, kích thước tấm (60x60)cm;

- Tháo dỡ toàn bộ hệ thống cửa đi, cửa sổ, hoa sắt cửa sổ và ô thoáng; cửa đi, cửa sổ thay thế bằng cửa khuôn nhôm hệ kính 2 lớp dày 6,38mm; hoa sắt thay thế bằng thép inox tổ hợp hàn. Cửa sắt xếp thay thế cửa mới;

- Bóc dỡ gạch ốp tường hiện trạng, bóc dỡ bỏ sung lớp vữa trát tường cao trung bình 40cm; tường ốp lại bằng gạch men kính kích thước (30x60)cm. Bóc dỡ gạch lát nền nhà, bóc dỡ lớp mài granito bậc tam cấp; nền nhà lát lại bằng gạch ceramic kích thước (60x60)cm, khu vực phòng chuẩn bị (soạn, chia) lát bằng gạch ceramic chống trơn kích thước (30x30)cm; bậc tam cấp ốp lát lại bằng đá granit;

- Bóc dỡ một số vị trí lớp vữa trát tường, cột, dầm, trần trong và ngoài nhà (khoảng 15% diện tích tường trong nhà; 20% diện tích tường ngoài nhà; khoảng 5% diện tích dầm trần trong và ngoài nhà); tường, trần trát lại bằng vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm; toàn bộ tường, trần, cột trong và ngoài nhà lăn sơn 3 nước không bả;

- Bóc dỡ và thay thế gạch ốp lát bàn thao tác (soạn, chia) bằng đá granit;

- Tháo dỡ và thay thế toàn bộ hệ thống điện trong nhà, dây dẫn đi chìm tường trong ống gen, thiết bị điện đồng bộ (*đảm bảo không vượt quy mô công suất thiết kế ban đầu của công trình*);

- Khu vệ sinh:

- + Bóc dỡ gạch lát nền, gạch ốp tường hiện trạng cao 1,8m; nền lát lại bằng gạch ceramic chống trơn kích thước (30x30)cm; tường ốp lại bằng gạch men kính kích thước (30x60)cm cao 1,8m;

- + Tháo dỡ và thay thế toàn bộ hệ thống thiết bị vệ sinh, đường ống cấp, thoát nước đi ngầm dưới nền và trong tường;

- + Thông tắc, hút bể tự hoại.

- Sân gia công phía sau nhà bếp: Diện tích $S=103m^2$, bóc dỡ gạch lát nền hiện trạng, lát lại bằng gạch ceramic chống trơn kích thước (30x30)cm;

- Rãnh thoát nước quanh nhà: Tổng chiều dài $L=61m$; tháo dỡ toàn bộ tấm đan rãnh để nạo vét lòng rãnh, thay thế 10 tấm đan bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 10cm;

- Sửa chữa bể nước: Thể tích $V=18m^3$; đục mở thêm vị trí nắp bể làm thêm cửa thăm bể, tấm nắp thay thế bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); bóc dỡ lớp vữa trát, láng lòng và tường trong bể, đáy bể láng vữa xi măng mác 100 dày 2cm, tường bể trát lại bằng vữa xi măng mác 75 dày 2,5cm (trát 2 lần) bề mặt quét dung dịch chống thấm chuyên dụng 3 nước. Bóc dỡ gạch ốp tường hiện trạng mặt ngoài bể, ốp lại bằng gạch men kính kích thước (30x60)cm.

8.2.5. *Xây mới nhà để xe học sinh*: Diện tích $S=455\text{m}^2$; móng bê tông cấp độ bền B15 (mác 200), khung cột thép hình tổ hợp hàn sơn 3 nước chống rỉ, chân cột chôn ngầm trong móng (có thép neo). Hệ khung giằng, vì kèo thép, xà gồ bằng thép hộp mạ kẽm tổ hợp hàn; mái lợp tôn múi dày 0,4mm; hệ thống thu nước mái bằng máng tôn kết hợp ống nhựa PVC. Nền nhà xe san nền cục bộ, nền đổ bê tông cấp độ bền B15 (mác 200) dày 12cm (*có tận dụng một phần diện tích đường đi hiện trạng bằng bê tông làm nền*); lan can bằng thép hộp tổ hợp hàn, chiều cao đảm bảo theo tiêu chuẩn.

8.2.6. Các hạng mục phụ trợ:

a) *Sửa chữa nhà vệ sinh ngoài trời*: Diện tích xây dựng $S_{\text{xd}}=169\text{m}^2$; giải pháp thiết kế cụ thể:

- Tháo dỡ cửa đi, khuôn cửa đi hiện trạng; thay thế bằng cửa khuôn nhôm hệ, kính 2 lớp dày 6,38mm;

- Phá dỡ bể chứa nước trên mái, bóc dỡ lớp vữa láng sàn mái khu xí, trát láng lại bằng vữa xi măng mác 100 dày 1cm; bề mặt lán 3 nước dung dịch chống thấm chuyên dụng;

- Tháo dỡ toàn bộ thiết bị vệ sinh; đường ống cấp, thoát nước đi chìm tường và nền; thiết bị thay thế đồng bộ; thông tắc khu vệ sinh, hút bể tự hoại;

- Bóc dỡ gạch lát nền, gạch ốp tường hiện trạng, bóc dỡ lớp vữa láng hè quanh nhà (diện tích khoảng 15m^2); nền lát lại bằng gạch ceramic chống trơn kích thước (30x30)cm; tường ốp lại bằng gạch men kính kích thước (30x60) cao 1,2m; hè ngoài nhà lát lại bằng gạch tezzaro;

- Thay thế toàn bộ hệ thống điện trong nhà, dây dẫn nổi trong ống gen hộp; thiết bị đồng bộ.

b) *Đường dốc lên nhà để xe học sinh (xây mới)*: Chiều dài $L=13\text{m}$; đường thiết kế kết hợp đổ nền bê tông cấp độ bền B15 (mác 200) dày 15cm trên nền đất dốc đầm chặt (S2) và móng trụ, khung dầm và bản sàn bê tông cốt thép cấp độ bền B22,5 (mác 250) dày 15cm (đoạn qua cổng hiện trạng). Lan can đường dốc bằng thép hộp mạ kẽm tổ hợp hàn.

c) *Sửa chữa sân trường*:

- *Sân số 6 (theo tổng mặt bằng, hiện trạng là sân lát gạch chỉ)*: Diện tích $S=1.320\text{m}^2$; bóc dỡ lớp gạch chỉ hiện trạng, san đầm nền đất đảm bảo cao độ thiết kế; nền đổ lại bằng bê tông cấp độ bền B12,5 (mác 150) dày 7cm, bề mặt lát gạch tezzaro kích thước (40x40x3)cm đồng bộ với tổng thể khu vực sân xung quanh;

- *Sân số 6A (khu nhà bếp ăn bán trú, hiện trạng là sân đất)*: Diện tích $S=1.880\text{m}^2$, san gạt, đầm nền đất hiện trạng đảm bảo cao độ thiết kế, bề mặt đổ bê tông cấp độ bền B12,5 (mác 150) dày 10cm. Xung quanh sân xây dựng bồn hoa BC2, BC3, BC4, BC5 tạo khuôn viên cảnh quan; tường xây gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 50, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm; tường mặt ngoài, mặt trên ốp gạch thẻ màu đỏ;

- *Sửa chữa bồn cây, bồn hoa*:

+ Bồn cây BC1 (xây mới bồn cây trước nhà bếp ăn bán trú, số lượng 02 bồn): Chiều dài L=13,12m/01 bồn; tường xây gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 50, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm; tường mặt ngoài, mặt trên ốp gạch thẻ màu đỏ;

+ Bồn cây BC (hiện trạng đã hư hỏng): Số lượng 13 bồn; phá dỡ tường bồn hoa hiện trạng, xây lại tường bằng gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 50, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm; tường mặt ngoài, mặt trên ốp gạch thẻ màu đỏ;

- *Sửa chữa rãnh thoát nước (khu sân trường dẫn ra cổng chính, hiện trạng cao độ tẩm đan cao hơn nền sân):* Chiều dài L=42m; tháo dỡ tẩm đan hiện trạng, nạo vét lòng rãnh, phá dỡ một phần tường rãnh để đảm bảo cao độ; lắp đặt lại tẩm đan rãnh, bề mặt lát gạch tezzaro đồng bộ với sân trường hiện trạng.

8.2.7. *Các chi tiết khác:* Theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. Quy chuẩn

- QCXDVN 05-2008: Nhà ở và công trình công cộng-an toàn sinh mạng và sức khỏe;

- QCVN 09-2017: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;

- QCVN 03-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;

- QCVN 06-2022: Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- Quy chuẩn sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD Về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- QCVN 16-2023: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

9.2. Tiêu chuẩn

- TCVN 4474-1987: Thoát nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4513-1988: Cấp nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5576-1991: Hệ thống thoát nước-Quy phạm quản lý kỹ thuật;

- TCXDVN 33-2006: Cấp nước-Mạng lưới đường ống và công trình-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7957-2008: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7447-2010 (IEC 60364-2005): Hệ thống điện hạ áp, lựa chọn và lắp thiết bị điện;

- TCVN 5573-2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 8794-2011: Trường trung học-Yêu cầu thiết kế (vận dụng);

- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng-Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 9361-2012: Công tác nền móng-Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- TCVN 9206-2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9207-2012: Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình dân dụng-Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo dưỡng;
- TCVN 9366-2012: Cửa đi, cửa sổ;
- TCVN 9406-2012: Sơn-Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô;
- TCVN 9404-2012: Sơn xây dựng-Phân loại;
- TCVN 5935-2013 (IEC 60502-2009): Tiêu chuẩn về cáp điện;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 2737-2023: Tải trọng và tác động-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5575-2024: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 3890-2023: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 4.000 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	3.490,808	triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án	109,358	triệu đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	320,818	triệu đồng;
- Chi phí khác	28,760	triệu đồng;
- Chi phí dự phòng	50,256	triệu đồng;

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Vốn ngân sách tỉnh	Tổng cộng
2025	4.000,0	4.000,0

13. Hình thức quản lý dự án: Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không có.

15. Các nội dung khác: Không có.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trường THPT Chu Văn Thịnh (chủ đầu tư)

- Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định;

- Đóng dấu phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo kinh tế-kỹ thuật theo quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Sở Xây dựng: Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. Hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng theo thẩm quyền quản lý; tổng hợp, tham mưu các nội dung vướng mắc trong quá trình triển khai dự án (nếu có).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực IX; Hiệu trưởng Trường THPT Chu Văn Thịnh; Thủ trưởng cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Chủ đầu tư 5 bản.
- Lưu: VT; NC, TH, KGVX, Bắc.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Tráng Thị Xuân